Số: 3804/KL-TTT
Thời gian ký: 2026-10-30T15:37:10+07:00

Biểu số 03

KINH PHÍ DỰ TOÁN GIAO DƯ NĂM 2026 ĐỐI VỚI 3 ĐƠN VỊ

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 3804/KL-TTT ngày 22 tháng 10 năm 2026 của Thanh tra tỉnh)

I. UBND PHƯỜNG MỸ TRÀ

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Đơn vị	Phụ cấp chức vụ	Phụ cấp thâm niên vượt khung	Phụ cấp công vụ	Phụ cấp bảo lưu, khác (nếu có)	Các khoản đóng góp BHYT (3%), BHXH (17,5%)	Nâng lương thường xuyên	Tổng hệ số	Số tiền
1	**Trung tâm phục vụ Hành chính công**	**0,24**	**0**	**0,06**	**0**	**0,049**	**0,010**	**0,360**	**10.099.702**
	Phạm Tố Hữu	0,24		0,06		0,049	0,010	0,360	10.099.702
2	**Ủy Ban mặt trận tổ quốc**	**0**	**0,53**	**0,134**	**3,45**	**0,109**	**0,127**	**4,349**	**122.129.172**
	Lê Thị Thúy Kiềm		0,53	0,134		0,109	0,023	0,796	22.346.892
	Nguyễn Thị Hải Vân				0,25		0,008	0,258	7.230.600
	Nguyễn Kim Nương				0,2		0,006	0,206	5.784.480
	Trần Anh Hào				0,2		0,006	0,206	5.784.480
	Bùi Minh Tiến				0,2		0,006	0,206	5.784.480
	Lê Thị Thúy Kiều				0,5		0,015	0,515	14.461.200
	Trần Thị Chậm				0,3		0,009	0,309	8.676.720
	Nguyễn Thị Lệ Thắm				0,3		0,009	0,309	8.676.720
	Đinh Ngọc Thúy				0,15		0,005	0,155	4.338.360
	Lê Văn Phú Yên				0,15		0,005	0,155	4.338.360
	Phan Thị Ánh Hồng				0,15		0,005	0,155	4.338.360
	Nguyễn Công Minh				0,15		0,005	0,155	4.338.360
	Nguyễn Văn Thạnh				0,15		0,005	0,155	4.338.360
	Trần Minh Châu				0,15		0,005	0,155	4.338.360
	Phạm Văn Hữu Tài				0,3		0,009	0,309	8.676.720
	Võ Thị Bích Phượng				0,15		0,005	0,155	4.338.360
	Nguyễn Hoàng Giang				0,15		0,005	0,155	4.338.360
3	**Văn phòng Đảng ủy**	**0**	**0**	**0,169**	**0**	**0**	**0,005**	**0,174**	**4.887.886**
	Nguyễn Thị Hồng Cúc			0,169			0,005	0,174	4.887.886
Tổng cộng		**0,24**	**0,53**	**0,363**	**3,45**	**0,158**	**0,142**	**4,883**	**137.116.760**

II. UBND PHƯỜNG CAI LẬY

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Đơn vị	Chi tiết nội dung phụ cấp, hệ số cấp dư						
		PC thâm niên nghề	PC công tác đảng	PC ưu đãi nghề	PC bảo lưu khác/PC trách nhiệm (ghi chi tiết tên phụ cấp)	Tổng hệ số	Các khoản đóng góp	Số tiền
1	**Văn phòng Đảng ủy**	**0,5698**	**8,79**	**1,257**		**10,617**	**0,117**	**301.405.104**
	Phạm Văn Vạn		2,04			2,04	0	57.283.200
	Trần Kim Phượng		1,575			1,575	0	44.226.000
	Nguyễn Nhật Tâm		1,059			1,059	0	29.736.720
	Đoàn Vũ Hoàng Chương		0,999			0,999	0	28.051.920
	Trần Thị Út Em	0,3352		1,257		1,5922	0,069	46.646.496
	Nguyễn Minh Trí		0,702			0,702	0	19.712.160
	Lê Văn Tánh	0,2346				0,2346	0,048	7.935.408
	Đặng Thị Nguyện		1,173			1,173	0	32.937.840
	Lê Quốc Cường		1,242			1,242	0	34.875.360
2	**Ủy ban MTTQVN phường**		**3,38**		**0,568**	**3,948**	**0**	**110.859.840**
	Trần Bá Nghiệp		1,44			1,44	0	40.435.200
	Lê Nguyễn Thu Tình				0,22	0,22	0	6.177.600
	Cao Thị Sáng		1,24			1,24	0	34.819.200
	Nguyễn Trần Liên Như		0,7			0,7	0	19.656.000
	Lê Hoài Phong				0,348	0,348	0	9.771.840
3	**Văn phòng HĐND&UBND**				**2,016**	**2,016**		**56.609.280**
	Trần Đức Dương				1,716	1,716		48.185.280
	Trần Kim Tuyền				0,1	0,1		2.808.000
	Nguyễn Thị Ngọc Linh				0,2	0,2		5.616.000
4	**Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị**				**0,1**	**0,1**		**2.808.000**
	Trần Thị Xông Hay				0,1	0,1		2.808.000
5	**Phòng Văn hóa và Xã hội**				**0,15**	**0,15**		**4.212.000**
	Đoàn Thị Diễm				0,15	0,15		4.212.000
6	**Trung tâm Phục vụ hành chính công**				**0,05**	**0,05**	**0,01**	**1.684.800**
	Nguyễn Thị Hồng Thắm				0,05	0,05	0,01	1.684.800
	Tổng cộng	**0,5698**	**12,17**	**1,257**	**2,884**	**16,881**	**0,127**	**477.579.024**

III. UBND XÃ HỘI CƯ

ĐVT: Đồng

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương	Phụ cấp chức vụ	Mức PC Đảng, Đoàn thể CTXH	Phụ cấp bảo lưu khác	Nâng lương thường xuyên	Tổng hệ số	Tổng số tiền PC công tác Đảng, Đoàn thể và PC bảo lưu
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5=(3+4)*3%*	*6=3+...+5*	*7=6*2,340*12*
I	**ĐẢNG ỦY XÃ**		**25,09**		**3,108**	**6,469**	**0,287**	**9,865**	**277.001.394**
1	Nguyễn Văn Nhiệm	Bí thư	6,10	0,60	2,01	0,67	0,080	**2,760**	77.512.032
2	Trương Thị Yến Diệu	PCVP	3,66	0,00	1,10	0,00	0,033	**1,131**	31.756.795
3	Nguyễn Quốc Khánh	Chuyên viên	3,00	0,15	0,00	0,22	0,007	**0,227**	6.362.928
4	Lê Minh Thành	Phó trưởng ban	2,67	0,25	0,00	2,34	0,070	**2,410**	67.678.416
5	Nguyễn Hoàng Anh	Chuyên viên	3,33	0,15	0,00	0,23	0,007	**0,240**	6.741.811
6	Nguyễn Văn Phương	Chủ nhiệm	3,33	0,30	0,00	2,706	0,081	**2,787**	78.272.691
7	Võ Thanh Hiền	Phó chủ nhiệm	3,00	0,20	0,00	0,30	0,009	**0,309**	8.676.720
II	**ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC**		**3,66**		**1,16**	**0,00**	0,035	**1,193**	**33.492.139**
1	Nguyễn Hồng Ngọc	Chủ tịch UBMTTQ Việt Nam xã	3,66	0,20	1,16	**0,00**	0,035	**1,193**	33.492.139
III	**PHÒNG VĂN HÓA XÃ HỘI**		**3,66**		**0,00**	**2,34**	**0,070**	**2,565**	**72.016.776**
1	Lê Minh Tuấn	Chuyên viên	3,66	0,00	0,00	2,34	0,070	**2,410**	67.678.416
2	Phạm Thúy Hằng	Chuyên viên	3,00	0,00	0,00	0,15	0,0045	**0,155**	4.338.360
IV	**TT HC CÔNG**					**0,50**	**0,002**	**0,502**	**14.082.120**
1	Võ Thị Sáu	Chuyên viên	2,46		0,00	0,15	0,00045	**0,150**	4.224.636
2	Bùi Thanh Hiền	Chuyên viên	2,34		0,00	0,15	0,00045	**0,150**	4.224.636
3	Trương Hoài Phong	Chuyên viên	3,00		0,00	0,20	0,00060	**0,201**	5.632.848
	Tổng cộng							**13,622**	**396.592.429**